TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 4830/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tâm

2. Ông Trần Đăng Vạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hải Hoài là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Võ Hồng Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 547/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6817/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 7672/2024/QĐST – HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Dương Minh D, sinh năm 1969. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Bà Trần Ngọc Tr, sinh năm 1966. Vắng mặt không có lý do

Cùng địa chỉ: Tổ 53, Khu phố 4, phường Linh Tây, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - ông D trình bày:

Ông và bà Trần Ngọc Tr tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 20/5/2019 tại Ủy ban nhân dân phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 20/5/2019. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống chung với nhau tại địa chỉ 57/38/5 đường Dương văn Cam,

Tổ 53, Khu phố 4, phường Linh Tây, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh được gần 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do hai vợ chồng thiếu sự tin tưởng nhau, bà Tr nghi ngờ ông có người phụ nữ khác bên ngoài, ra ngoài nói xấu ông là người tù tội, đánh bài. Quá trình sống chung hai bên có xảy ra xô xát và ông D có bị Ủy ban nhân dân phường Linh Tây xử phạt hành chính về hành vi gây thương tích cho người khác. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên ông bà đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay ông D xác định không còn tình cảm với bà Tr, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được được ly hôn với bà Trần Ngọc Tr.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có

Bị đơn: Bà Trần Ngọc Tr trình bày: Bà thống nhất với phần trình bày của ông D về thời điểm đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung. Tuy nhiên việc ông D trình bày hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 là chưa đúng. Thực tế là hai người đã sống chung với nhau từ năm 2012 đến tháng 5 năm 2023 thì mới ly thân.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do ông D có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác (bà Tr trực tiếp bắt gặp), đánh bạc, thường xuyên đi ra ngoài nói xấu bà và con riêng của bà với bên gia đình thông gia của con gái bà. Trong thời gian sống chung ông D đã đánh bà khoảng 10 lần và bà cũng có báo sự việc cho Công an phường lập biên bản. Sau khi ly thân bà đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông D không có thiện chí. Nay ông D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, bà không đồng ý vì bà vẫn còn tình cảm với ông D và bà không có lỗi gì trong cuộc hôn nhân này.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn – ông A xin xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Trần Ngọc Tr đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, đúng quy định của pháp luật. Việc cấp tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xác định đúng người tham gia tố tụng. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu của ông A được ly hôn với bà Trần Ngọc Tr. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Ông A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông A yêu cầu được ly hôn với bà Trần Ngọc Tr, bị đơn –bà Trần Ngọc Tr cư trú tại thành phố Thủ Đức, nên đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông A có đơn xin xử vắng mặt. Bà Trần Ngọc Tr được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Quan hệ hôn nhân: Căn cứ trích lục kết hôn số 299/TLKH – BS ngày 20/5/2019 của Ủy ban nhân dân phường Linh Tây, thành phố thủ Đức thể hiện ông A và bà Trần Ngọc Tr đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Linh Tây, quận Thủ Đức và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 20 tháng 5 năm 2019. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Ngọc Tr và ông A là hợp pháp.

[3.2] Xét, sau khi kết hôn, cuộc sống chung của hai vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hòa hợp trong tính cách, quan điểm sống khác nhau, nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay nhưng ông D không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Theo lời trình bày của các đương sự và xác nhận của Công an phường Linh Tây thì ông D đã nhiều lần có hành vi đánh đập gây tổn thương thể chất và tinh thần cho bà Tr, ông D đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành gây thương tích cho bà Tr theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 4146/QĐ – XPHC ngày 27/3/2024. Hành vi của ông D là vi phạm quy định của luật hôn nhân và gia đình.

Xét, hôn nhân là sự tự nguyện, mặc dù bà Trần Ngọc Tr không đồng ý ly hôn vì cho rằng bà vẫn còn tình cảm với ông D, nhưng quá trình giải quyết vụ án ông D kiên quyết không đoàn tụ với bà Tr, vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Như vậy, nhận thấy mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân của hai vợ chồng là thật sự trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu cho ông A được ly hôn với bà Trần Ngọc Tr.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có.

[5] Xét, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D

1. Về hôn nhân: Cho ông D được ly hôn với bà Trần Ngọc Tr.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, ông A chịu, nhưng được trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà ông D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025599 ngày 14/03/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông D đã nộp đủ án phí

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).

5. Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Thủ Đức

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục Thi hành án dân sự TP Thủ Đức;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

.

Trương Thị Nhung